TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI TỪ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Hưng
2. Bà Hà Thị Lan

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Thành Công – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Chu Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 212/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2023 về việc: "Tranh chấp hôn nhân gia đình", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST - HNGĐ, ngày 31/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Q, sinh năm 1996
HKTT tại: Xóm 10, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
Bị đơn: Anh Triệu Minh M, sinh năm 1996
HKTT tại: Xóm 10, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
(Có mặt chị Q, vắng mặt anh M)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Đặng Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với anh Triệu Minh M vào năm 2017 trên cơ sở tự nguyện. Có được tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn hai vợ chồng tôi về ở với gia đình nhà chồng. Sau đó khoảng hai năm vợ chồng tôi xây nhà ra ở riêng, ăn riêng tại xóm 10, xã H,huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Cuộc sống hạnh phúc thời gian đầu đến khoảng đầu năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp cách sống của nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mặc dù có được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không được. Đến khoảng thời gian giữa năm 2022 hai vợ chồng sống

ly thân. Tôi bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Đến nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Triệu Nhật M1, Sinh ngày 04/9/2018. Khi ly hôn tôi và anh M đã tự thỏa thuận tôi được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Triệu Nhật M1, sinh ngày 04/9/2018 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, trừ trường hợp tôi và anh M có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác. Anh M được quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung tôi nhất trí việc anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho tôi 3.000.000 đồng/tháng để nuôi con chung đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu, đề nghị tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi xin tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ nhà nước

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Triệu Minh M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi xác định tôi kết hôn với chị Đặng Thị Q năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn tôi và chị Q ở chung với gia đình nhà tôi. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng vào khoảng giữa năm 2022 là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp cách sống của nhau, dẫn đến việc vợ chồng không hạnh phúc. Mặc dù hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không được. Đến khoảng đầu năm 2023 hai vợ chồng sống ly thân. Chị Q bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống kể từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị Q làm đơn xin ly hôn tôi hoàn toàn nhất trí. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn với chị Đặng Thị Q.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Triệu Nhật M, Sinh ngày 04/9/2018. Khi ly hôn tôi và chị Q đã tự thỏa thuận chị Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Triệu Nhật M1, sinh ngày 04/9/2018 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, trừ trường hợp tôi và chị Q có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác. Tôi được quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chi Q 3.000.000 đồng/tháng để nuôi con chung đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và chị Q tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn anh Triệu Minh M không đến phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được do vậy phải đưa ra xét xử ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Triệu Minh M; về con chung: Có 01 con chung là cháu Triệu Nhật M1, sinh ngày 04/9/2018. Khi ly hôn chị Q và anh M đã tự thỏa thuận chị Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Triệu Nhật M1, sinh ngày 04/9/2018 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, trừ trường hợp chị Q và anh M có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác. Anh M được quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Q nhất trí việc anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị 3.000.000 đồng/tháng để nuôi con chung đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Bị đơn anh M vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Cho chị Đặng Thị Q được ly hôn anh Triệu Minh M.

+ Về con chung: giao con chung Triệu Nhật M1, Sinh ngày 04/9/2018 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh M cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q 3.000.000 đồng/tháng để nuôi con chung đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Về quyền thăm nom con chung anh M được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét do các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình trang chấp về Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Triệu Minh M có hộ khẩu thường trú Xóm 10, xã H, huyện Đạ, tỉnh Thái Nguyên. Nên việc Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự có mặt của đương sự: Đối với bị đơn anh Triệu Minh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh M.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Đặng Thị Q và anh Triệu Minh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có được tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Cả chị Q và anh M đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp cách sống của nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó xét đề nghị xin ly hôn của chi Q là có căn cứ cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị của chị Q, cho chị Đặng Thị Q được ly hôn anh Triệu Minh M là phù hợp.

[3]. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Triệu Nhật M1, sinh ngày 04/9/2018. Tại phiên tòa chị Q yêu cầu đươc trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Tại biên bản lấy lời khai anh M cũng đồng ý giao cháu M1 cho chị Q nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh của chị Q thấy giao con cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hai bên đương sự đã thống nhất, anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chi Q 3.000.000 đồng/tháng để nuôi con chung đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Về quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung: Anh M được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q, anh M không yêu cầu xem xét nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định nộp ngân sách nhà nước.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Q, anh M được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Điều 357, 468 BLDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Q, cho chị Q được ly hôn anh Triệu Minh M.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Triệu Nhật M1, sinh ngày 04/9/2018 cho chị Đặng Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Triệu Minh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chi Q 3.000.000 đồng/tháng để nuôi con chung đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Trường hợp chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Về quyền thăm nom con chung: Anh M được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung và khoản cho vay: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí. Chị Q phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002551 ngày 04/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Anh M phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nộp vào ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Anh M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ngưười được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- T/ báo cho UBND xã H;
- Lưu hồ sơ + VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Kao Hoàng